TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 513/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tiền Thanh T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Tiền Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L xây dựng hôn nhân năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do anh và chị L bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay, từ lúc ly thân đến nay anh và chị L không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nay chị xác

định hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị L có một người con chung tên Tiền Tân N, sinh ngày 24/6/2012, hiện con chung đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị L vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh T được ly hôn với chị L; giao cháu Tiền Tân N, sinh ngày 24/6/2012 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí nguyên đơn phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh Tiền T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L, chị L có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị L là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xây dựng hôn nhân năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo anh T trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, trong thời gian ly thân khoảng 01 năm nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác chị L đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng

vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ chị L không có thiện chí đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân của anh T và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị L.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tiền Tân N, sinh ngày 24/6/2012. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hay mẹ phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt để đảm bảo cho con chung có điều kiện sống tốt nhất, từ khi anh T và chị L sống ly thân với nhau một thời gian dài anh T là người trực tiếp nuôi con, hiện tại cháu cũng có cuộc sống ổn định và phát triển tốt, hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng sống với anh T. Trên cơ sở cân nhắc quyền lợi về mọi mặt của con chung, về điều kiện nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Tiền Tân N, sinh ngày 24/6/2012 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Tiền Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Tiền Tân N, sinh ngày 24/6/2012 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp 300.000đ; anh T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008103 ngày

19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- UBND xã Tân Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung